

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày 06 – 02 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Trọng và bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 27/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 09/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/HSST-QĐ ngày 21/01/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/10/1954 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Nghề tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Tô Thị T (đã chết); bị cáo có chồng là Tống Hải Đ (đã chết); bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2024 đến ngày 10/10/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Võ Như H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

+ Anh Bùi Phương N1, sinh năm 2003; nơi cư trú: Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024, Nguyễn Thị N đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với các cá nhân có nhu cầu vay tiền để chi tiêu hoặc giải quyết công việc riêng. Khi vay tiền, N trao đổi trực tiếp với người vay và cho người đó vay tiền mặt hoặc chuyển khoản và yêu cầu viết giấy vay tiền vào quyển sổ của N và người vay trả lãi thông qua chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng hoặc đưa tiền mặt cho N, mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Người vay trả tiền lãi bằng cách chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng TMCP L (L1), số tài khoản 0982599924 của N.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024, thông qua các giao dịch dân sự, Nguyễn Thị N đã cho anh Võ Như H1, sinh năm 1992, trú tại Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình và anh Bùi Phương N1, sinh năm 2003, trú tại khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình vay tổng cộng số tiền là 350.000.000đ, mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, mức lãi suất cao nhất là 162,2%/năm nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền là 271.057.534đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Thị N đã thu được thực tế là 263.701.370đ. Cụ thể như sau:

1. Anh Võ Như H1 vay 05 lần:

Lần thứ nhất: Ngày 15/3/2023, anh Võ Như H1 đến gặp Nguyễn Thị N tại nhà của N ở khu T, thị trấn M để vay số tiền 100.000.000đ, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, tiền lãi là 9.000.000đ/tháng. Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/7/2024 (trong thời gian 16 tháng = 480 ngày) anh H1 đã trả lãi số tiền vay trên cho N số tiền là: 16 tháng x 9.000.000đ = 144.000.000đ tương đương lãi suất 109,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $109,50\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Thị N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $100.000.000đ \times 20\%/365 \times 480 \text{ ngày} = 26.301.370đ$. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $144.000.000đ - 26.301.370đ = 117.698.630đ$.

Lần thứ hai: Ngày 24/5/2023, anh H1 vay Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000đ, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày, tiền lãi là 4.500.000đ/tháng. Từ ngày 24/5/2023 đến ngày 24/7/2024 (trong thời gian 14 tháng = 420 ngày) anh H1 đã trả lãi số tiền vay trên cho N số tiền là: 14 tháng x 4.500.000đ = 63.000.000đ, tương đương lãi suất 109,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $109,50\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $50.000.000đ \times 20\%/365 \times 420 \text{ ngày} = 11.506.849đ$. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $63.000.000đ - 11.506.849đ = 51.493.151đ$.

Lần thứ ba: Ngày 20/7/2023, anh H1 vay của Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000đ, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày, tiền lãi là 2.700.000đ/tháng.

Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/7/2024 (trong thời gian 12 tháng = 360 ngày) anh H1 đã trả lãi số tiền vay trên cho N số tiền là: $12 \text{ tháng} \times 2.700.000\text{đ} = 32.400.000\text{đ}$ tương đương lãi suất 109,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $109,50\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $30.000.000\text{đ} \times 20\%/365 \times 360 \text{ ngày} = 5.917.808\text{đ}$. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $32.400.000\text{đ} - 5.917.808\text{đ} = 26.482.192\text{đ}$.

Lần thứ tư: Ngày 02/9/2023, anh H1 vay Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000đ, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày, tiền lãi là 3.600.000đ/tháng. Từ ngày 02/9/2023 đến ngày 02/7/2024 (trong thời gian 10 tháng = 300 ngày) anh H1 đã trả lãi số tiền vay trên cho N số tiền là: $10 \text{ tháng} \times 3.600.000\text{đ} = 36.000.000\text{đ}$ tương đương lãi suất 109,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $109,50\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $40.000.000\text{đ} \times 20\%/365 \times 300 \text{ ngày} = 6.575.342\text{đ}$. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $36.000.000\text{đ} - 6.575.342\text{đ} = 29.424.658\text{đ}$.

Lần thứ năm: Ngày 25/9/2023, anh H1 vay Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000đ, với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày, tiền lãi là 2.700.000đ/tháng. Từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/7/2024 (trong thời gian 10 tháng = 300 ngày) anh H1 đã trả lãi số tiền vay trên cho N số tiền là: $10 \text{ tháng} \times 2.700.000\text{đ} = 27.000.000\text{đ}$ tương đương lãi suất 109,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $109,50\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $30.000.000\text{đ} \times 20\%/365 \times 300 \text{ ngày} = 4.931.507\text{đ}$. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $27.000.000\text{đ} - 4.931.507\text{đ} = 22.068.493\text{đ}$.

2. Anh Bùi Phương N1 vay 04 lần:

Lần thứ nhất: Ngày 13/02/2024, anh N1 đến gặp Nguyễn Thị N để vay số tiền 30.000.000đ và thỏa thuận lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày. Từ ngày 13/02/2024 đến ngày 27/4/2024, trong thời gian 74 ngày, anh N1 đã trả lãi số tiền vay trên cho Nghiêm 7.000.000đ tương đương lãi suất 115,09%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $115,09\% : 20\% = 5,75$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $30.000.000\text{đ} \times 20\%/365 \times 74 \text{ ngày} = 1.216.438\text{đ}$. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $7.000.000\text{đ} - 1.216.438\text{đ} = 5.783.562\text{đ}$.

Lần thứ hai: Ngày 27/02/2024, anh N1 vay Nguyễn Thị N số tiền là 30.000.000đ; Nghiêm cắt tiền lãi 3.000.000đ cho tháng đầu tiên vay nên chỉ chuyển cho anh N1 số tiền là 27.000.000đ. Từ ngày 27/02/2024 đến ngày 27/4/2024, trong thời gian 60 ngày, anh N1 đã trả lãi số tiền vay trên cho

Nghiêm 5.700.000đ tương đương lãi suất 115,58%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $115,58\% : 20\% = 5,78$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $30.000.000đ \times 20\%/365 \times 60$ ngày = 986.301đ. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $5.700.000đ - 986.301đ = 4.713.699đ$.

Lần thứ ba: Ngày 12/3/2024, anh N1 vay Nguyễn Thị N số tiền là 25.000.000đ. Từ ngày 12/3/2024 đến ngày 27/4/2024, trong thời gian 45 ngày anh N1 đã trả lãi số tiền vay trên cho N là: 4.900.000đ tương đương lãi suất 158,98%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $158,98\% : 20\% = 7,95$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $25.000.000đ \times 20\%/365 \times 45$ ngày = 616.438đ. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $4.900.000đ - 616.438đ = 4.283.562đ$.

Lần thứ tư: Ngày 27/3/2024, anh N1 vay Nguyễn Thị N số tiền là 15.000.000đ. Từ ngày 27/3/2024 đến ngày 27/4/2024 trong thời gian 30 ngày, anh N1 trả lãi số tiền vay trên cho N số tiền là 2.000.000đ tương đương lãi suất 162,22%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: $162,22\% : 20\% = 8,11$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà N được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: $15.000.000đ \times 20\%/365 \times 30$ ngày = 246.575đ. Như vậy, số tiền mà N thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - 246.575đ = 1.753.425đ$.

Tính đến ngày 27/4/2024, anh N1 đã vay Nguyễn Thị N tổng số tiền gốc là 100.000.000đ và thoả thuận dồn tất cả các khoản vay lại thành một khoản vay ngày 27/4/2024 với số tiền 100.000.000đ, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày. Từ ngày 27/4/2024 đến ngày 27/5/2024, theo thoả thuận thì anh N1 phải trả 9.000.000đ tiền lãi cho khoản vay trên nhưng anh N1 chưa trả. Đến ngày 27/5/2024, giữa N và anh N1 thoả thuận lãi suất là 12%/năm cho khoản vay trên do anh N1 đang là sinh viên đại học, không có thu nhập và phải trả tiền gốc cho N vào ngày 27/3/2025.

Vì chưa có tiền trả cho Nguyễn Thị N nên anh H1 và anh N1 bị N nhiều lần gọi điện đòi nợ. Do đó, ngày 06/10/2024, anh H1 và anh N1 đã làm đơn tố giác tới Công an huyện T, tỉnh Hòa Bình về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thị N.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKSTL ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Nghiêm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng và không kêu oan.

Ý kiến của những người tham gia phiên tòa được Tòa án triệu tập: Những người tham gia tố tụng được triệu tập có mặt tại phiên tòa khai nhận đúng như lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên quyết định truy tố, tội danh đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, đề nghị phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi hợp pháp mà bị cáo đã được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 58.298.630 đồng. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng, nay phải nộp tiếp số tiền 28.298.630 đồng.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc mà anh Võ Như H1 và anh Bùi Phương N1 đã vay của bị cáo Nguyễn Thị N nhưng chưa trả. Cụ thể: Anh Võ Như H1 số tiền 250.000.000 đồng và anh Bùi Phương N1 số tiền 100.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể: Trả lại anh Võ Như H1 số tiền 247.167.123 đồng và trả lại anh Bùi Phương N1 số tiền 16.534.247 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trả lại chị Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000 đồng.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu xanh, số IMEI1: 862366053446359; số IMEI 2: 862366053446342, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị N.

- Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các ý kiến tranh luận: Bị cáo nhất trí với luận tội và đề nghị của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, đối đáp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024, bị cáo Nguyễn Thị N thông qua 09 giao dịch dân sự đã cho anh Võ Như H1 và anh Bùi Phương N1 vay tổng số tiền 350.000.000 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm (vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự 2015 quy định), mức lãi suất cao nhất là 162,22%/năm (vượt quá 8,11 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự 2015 quy định) với mục đích thu lợi bất chính số tiền 271.057.534 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã thu được thực tế là 263.701.370 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Bị cáo Nguyễn Thị N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước và lợi ích vật chất của người đi vay. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cho vay nhiều lần với lãi suất cao gấp nhiều lần quy định của Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết và cần có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về nhân thân: Bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo cho anh Võ Như H1 vay tiền 05 lần trong đó có hai lần thu lời bất chính số tiền từ 30.000.000 đồng trở

lên, thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi là 30.000.000 đồng; gia đình bị cáo được Ủy ban nhân dân thị trấn Mãn Đức tặng giấy khen gia đình văn hoá tiêu biểu 3 năm liên tục giai đoạn 2017-2019; có chồng tham gia quân đội đóng quân tại Trung đoàn 772 được tặng giấy khen năm 1982, 1983. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người già, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng biện pháp miễn chấp hành hình tù có điều kiện theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi, do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự tuy nhiên bị cáo là người già nên mức phạt bổ sung theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] *Về biện pháp tư pháp*:

Đối với số tiền gốc 350.000.000 đồng, đây là số tiền của bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, anh H1 và anh N1 chưa trả bị cáo số tiền gốc này nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước từ anh H1, anh N1. Cụ thể: Anh Võ Như H1 số tiền 250.000.000 đồng và anh Bùi Phương N1 số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi hợp pháp mà bị cáo Nguyễn Thị N đã được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 58.298.630đ, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng, cần truy thu số tiền còn lại là 28.298.630 đồng.

Đối với số tiền thu lời bất chính 263.701.370 đồng, quá trình điều tra và tại phiên toà đã chứng minh được anh H1, anh N1 vay tiền nhưng không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp do vậy cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người này. Cụ thể: Trả lại anh Võ Như H1 số tiền 247.167.123 đồng và trả lại anh Bùi Phương N1 số tiền 16.534.247 đồng.

[7] *Về vật chứng của vụ án*:

+ Đối với số tiền 30.000.000 đồng thu giữ trong ngăn kéo kệ để ti vi phòng khách của nhà bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên toà đã làm rõ đây là số tiền của chị Nguyễn Thị Q, con dâu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho chị Nguyễn Thị Q khi án có hiệu lực pháp luật.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu xanh, số IMEI1: 862366053446359; số IMEI 2: 862366053446342, đã qua sử dụng. Đây là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm o, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06/02/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; 47 và 48 của Bộ luật Hình sự;

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị N số tiền lãi hợp pháp theo Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã được hưởng 58.298.630đ sung quỹ nhà nước. Bị cáo đã nộp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai số 0000526 ngày 20/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, nay truy thu tiếp số tiền còn lại là 28.298.630đ (Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể: Trả lại anh Võ Như H1 số tiền 247.167.123đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng) và trả lại anh Bùi Phương N1 số tiền 16.534.247đ (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Truy thu của anh Võ Như H1 số tiền gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và truy thu của anh Bùi Phương N1 số tiền gốc 100.000.000đ

(Một trăm triệu đồng) đã vay của bị cáo Nguyễn Thị N nhưng chưa trả sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trả lại chị Nguyễn Thị Q số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 màu xanh, số IMEI1: 862366053446359; số IMEI 2: 862366053446342, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 12 ngày 09/01/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- CQCSĐT Công an huyện Tân Lạc;
- CQ THAHS Công an huyện Tân Lạc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Hữu Doanh

